

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
**Năm 2016**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

*1.1. Thông tin về công ty:*

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301097524, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05/01/2017.
- Vốn điều lệ: **30.741.000.000**, đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **30.741.000.000**, đồng
- Địa chỉ: **Số 01, đường Nguyễn Thông, phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh**
- Số điện thoại: **(08) 3846 6485**
- Số fax/Fax: (08) 3 8466 484.
- Website: **www.ttthsaigon.vn**
- **Mã cổ phiếu: TSG**

*1.2. Quá trình hình thành và phát triển:*

Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn (TTTH ĐS SG) trải qua 40 năm truyền thống xây dựng và phát triển, với 6 lần được đổi tên và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, phù hợp, gắn liền với sự phát triển của Tổng công ty ĐSVN; cụ thể như sau:

**a. Giai đoạn 1976 - 1983:**

Đoạn Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo quyết định số 107/TC-LĐTL ngày 28/4/1979 của Tổng cục Đường sắt, là đơn vị sản xuất cơ sở của Tổng cục Đường sắt, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quận Đường sắt 3 và dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo về kỹ thuật nghiệp vụ của Sở Thông tin tín hiệu Tổng cục đường sắt (TCĐS).

**b. Giai đoạn 1983 -1986:**

Đoạn TTTH ĐS Sài Gòn được đổi thành Xí nghiệp TTTH số 5 theo Quyết định số 883/ĐS-TC ngày 30/11/1983 của TCĐS; thuộc phạm vi quản lý từ Sài Gòn đến nam ga Diêu Trì.

**c. Giai đoạn từ tháng 4/1986 đến 1989:**

- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5 được đổi thành Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt

Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 124/ĐS-TC ngày 1/4/1986 của Tổng cục Đường Sắt. Phạm vi quản lý kéo dài từ Sài Gòn đến đầu nam ga Lê Trạch (Quảng Bình), cụ thể: từ cột thử dây số 133 khu gian Thạch Khê – Lê Trạch tới Tp. Hồ Chí Minh với 81 ga và 1000 km đường dây thông tin

- Đến tháng 8/1987, tổ chức tiếp tục thay đổi và phạm vi quản lý trở lại như ban đầu (từ Sài Gòn đến nam ga Diêu Trì).

#### **d. Giai đoạn 1989 đến 1998:**

- Năm 1998, theo Quyết định số 882 ngày 17/4/1998 của Bộ GTVT, về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích; Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh được đổi tên thành Xí nghiệp TTTT ĐS Sài Gòn trực thuộc Liên hiệp ĐSVN được thành lập trên cơ sở chuyển đổi thành đơn vị sự nghiệp kinh tế.

- Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn là tổ chức sản xuất phục vụ, hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, được mở tài khoản tại Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, được sử dụng con dấu riêng.

#### **e. Giai đoạn 1998 đến 2003:**

- Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 734 ngày 20/3/2003 của Bộ Giao thông Vận tải là đơn vị trực thuộc Liên hiệp ĐSVN.

#### **f. Giai đoạn 2003 đến nay:**

- Năm 2003, Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn được đổi tên thành Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn và đã được xếp hạng doanh nghiệp hạng I vào năm 2006.

- Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam được chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên TTTT ĐS Sài Gòn theo quyết định số 1209/QĐ-ĐS, ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty ĐS Việt Nam; Đây là bước chuyển đổi cơ bản, sâu sắc đối với các Doanh nghiệp Nhà nước trong việc thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2005;

- Ngày 08/01/2015, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 64/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Ngày 09/12/2015 Công ty đã tổ chức đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội số 236-238 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM với giá đấu thành công cao nhất: 10.100

đồng, giá đấu thành công thấp nhất: 10.100 đồng, giá đấu thành công bình quân: 10.100 đồng.  
Tổng số lượng cổ phần bán được: 67.500 cổ phần

- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày ngày 19/01/2016 với số vốn điều lệ là: 30.741.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ bảy trăm bốn một triệu đồng chẵn*).

### 1.3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Lines and locations of the business:- Ngành nghề kinh doanh*

Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt. Xây dựng lắp đặt thiết bị công trình thông tin viễn thông, tín hiệu giao thông; công trình đường dây truyền tải điện, trạm biến thế, công trình dân dụng, chiếu sáng. Xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, công nghiệp. Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu thép chuyên ngành. Sản xuất kim loại màu và kim loại quý: sản xuất kết cấu thép chuyên ngành (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Kinh doanh dịch vụ viễn thông tin học. Đầu tư kinh doanh bất động sản. Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp). Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp). Du lịch: kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Dịch vụ thể thao: kinh doanh các hoạt động thể thao và giải trí thể thao gồm: câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, tennis. Dịch vụ bán đấu giá tài sản.

- **Địa bàn kinh doanh:** trải dài từ Tp. Hồ Chí Minh đến nam ga Diêu Trì thuộc tỉnh Bình Định (bao gồm Tp.HCM và các tỉnh: Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định) và trên toàn lãnh thổ Việt Nam

## 2. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Bao gồm:

Hội đồng quản trị : 03 người trong đó có 01 Chủ tịch và 02 thành viên.

Ban Kiểm soát : 03 người, gồm một Trưởng ban chuyên trách và 2 kiểm soát viên

Ban điều hành : 03 người, gồm 01 Giám đốc và 02 Phó giám đốc;

Các phòng: 05 phòng, gồm Phòng Kỹ thuật An toàn, Kế hoạch Vật tư, Kinh doanh, Tổ chức hành chính và Tài chính Kế toán.

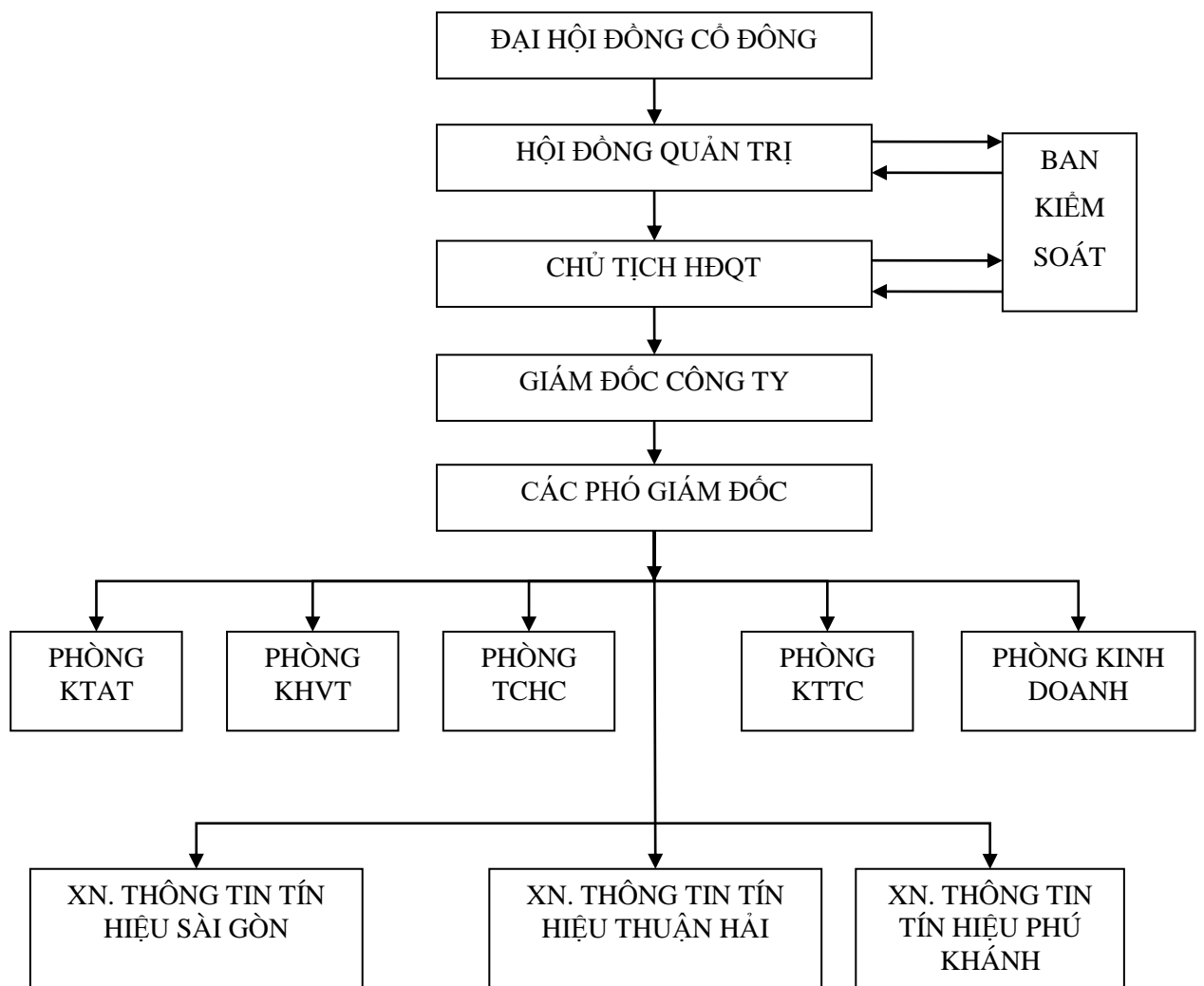
Các Chi nhánh: 03 Chi nhánh, gồm:

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Sài Gòn.

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Thuận Hải.

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Phú Khánh.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



### 3. Quá trình tăng vốn điều lệ từ khi chuyển sang Công ty cổ phần:

Từ khi chuyển sang Công ty cổ phần chưa tăng vốn;

### 4. Định hướng phát triển

4.1. Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô các lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có. Công ty đưa ra kế hoạch:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, tăng trưởng doanh thu hàng năm, tăng thu nhập đảm bảo đời sống cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông. Tham gia các hoạt động xã hội và có trách nhiệm với các hoạt động xã hội khi có yêu cầu;

- Sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả, có lợi nhuận hàng năm tăng cao; trả cổ tức đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Doanh nghiệp với lợi ích các cổ đông và người lao động.

- Doanh thu ngoài sản xuất chính hàng năm đạt trên 20% tổng doanh thu. Thực hiện thu nhập của người lao động năm sau cao hơn năm trước.

- Trả cổ tức hàng năm cho các cổ đông từ 9% trở lên.

4.2. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

**a. Giải pháp sản xuất kinh doanh và đầu tư:**

- Thường xuyên nắm bắt chủ trương kế hoạch của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc tái cơ cấu phát triển ngành đường sắt, nhất là hệ thống tin tín hiệu đang được nhà nước đầu tư hiện đại hóa;

- Hoàn thành 100% khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia đúng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, thông tin liên lạc; hạn chế trễ ngại, chậm tàu do chủ quan gây ra;

- Tăng cường áp dụng công nghệ mới vào quản trị doanh nghiệp để giảm định biên lao động như: Ứng dụng các phần mềm về quản lý Kỹ thuật, Kế hoạch vật tư, Tài chính, Tổ chức nhân sự;

- Tiếp tục lắp đặt hệ thống giám sát cho 100% hệ tín hiệu đường ngang CBTĐ, giám sát các thiết bị TTTT khác trong công ty; lắp đặt hệ thống cản chắn tự động tại các đường ngang cảnh báo tự động (ĐN CBTĐ);

- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt một cách kịp thời nhanh chóng; bên cạnh đó sử dụng nguồn cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHT ĐS) được Tổng công ty đặt hàng hàng năm củng cố hệ thống đường cột, hệ thống cáp

quang nhằm nâng cao chất lượng và hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Thay đổi và có sự khác biệt hóa, chuyên nghiệp trong đấu thầu và tìm kiếm nguồn công trình, dự án theo thế mạnh hiện có của Công ty và đặc điểm của môi trường bên ngoài:

- Tham gia thầu, thầu phụ, thi công các Dự án đầu tư KCHT ĐS, dự án “Hiện đại hóa thiết bị Thông tin tín hiệu đoạn Vinh-Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2”; Các dự án về an toàn đường ngang; Dự án Đường sắt nội đô Tp. Hồ Chí Minh - tuyến Metro số 1 từ chợ Bến Thành đến Suối Tiên và xúc tiến tham gia thi công các tuyến khác;

- Tiếp tục mở rộng sản xuất, khai thác hiệu quả các tài sản và nguồn vốn Công ty đang quản lý sử dụng đặc biệt là các là đất và các tài sản gắn liền với đất mà Công ty đang quản lý sử dụng tại các khu vực có lợi thế kinh doanh như Sài Gòn, Long Khánh, Nha Trang;

- Đột phá tạo thương hiệu trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công.

- Quan tâm sản xuất phụ kiện chuyên ngành cung cấp thay thế cho hoạt động bảo dưỡng thường xuyên, thi công các dự án công trình trong và ngoài công ty;

#### **b. Giải pháp về nguồn vốn**

##### **Huy Động Vốn:**

- Lựa chọn đối tác, hạn chế thi công các công trình, dự án có nguồn vốn không rõ ràng; dự án chưa được bố trí vốn hoặc bố trí vốn nhiều năm khó thu hồi vốn;

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, lắp đặt, nghiệm thu các công trình, dự án;

- Sau khi công trình đã hoàn thành nghiệm thu đẩy nhanh tiến độ thanh toán, thu hồi vốn đã ứng trước để thi công các công trình, dự án, hạn chế tối đa thời gian thanh toán kéo dài đối với các dự án XDCB dẫn đến nợ tồn đọng, nợ khó đòi;

- Liên doanh liên kết tạo nhiều nguồn vốn từ các đối tác và nguồn vốn xã hội hóa.

##### **Quản lý vốn:**

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn hiện có;

- Đầu tư có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh tốc độ luân chuyển của nguồn vốn đầu tư;

- Thực hiện tạm ứng theo hợp đồng, thanh toán theo từng giai đoạn, tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn chưa được thanh toán. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ kéo dài. Xây dựng quy chế quản lý nợ, có chế tài thích hợp để thu hồi công

nợ có hiệu quả, thực hiện đúng quy chế quản lý nợ của Công ty .

### **c. Giải pháp về nguyên vật liệu**

- Xây dựng định mức nguyên vật liệu phù hợp với thực tế. Căn cứ vào hồ sơ Phương án giá bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS, hồ sơ thiết kế công trình, định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình; Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất kinh doanh; phối hợp đồng bộ từ khâu thiết kế, dự toán, cung ứng vật liệu và tổ chức thi công các công trình;

- Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý;
- Ký hợp đồng cung ứng theo kế hoạch với bên cung ứng, linh động khâu thanh toán, giảm thời gian vận chuyển;
- Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất, vật tư dự phòng giải quyết trở ngại, vật tư chuyên ngành.v.v.. nhưng không làm ứ đọng vốn.

### **d. Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, cơ sở nhà đất**

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng những thiết bị hiện có để duy trì năng lực của thiết bị, tài sản, rà soát lại các thiết bị không sử dụng hoặc năng lực sử dụng thấp để bán, thanh lý thu hồi vốn; đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, không gây ô nhiễm môi trường;

- Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có;

- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư cho đổi mới quản trị, công nghệ, đổi mới sản phẩm dịch vụ, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận và từng bước làm chủ công nghệ và kỹ thuật xây dựng mới, tạo sản phẩm tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững;

- Có phương án kinh doanh hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất Công ty đang quản lý sử dụng;

### **e. Giải pháp về tổ chức, lao động tiền lương**

#### **Về chính sách lao động:**

- Sắp xếp lại tổ chức đảm bảo tinh gọn, hiệu quả đáp ứng đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước; tự học tập, học hỏi, đọc tài liệu...
- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;
- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề...;

### **Về chính sách tiền lương**

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động các chế độ hợp lý;
- Đối với lao động trực tiếp: xác định tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ sản xuất và người lao động; áp dụng khoa học kỹ thuật và công cụ lao động liên tục để tăng năng suất lao động và giảm chi phí.
- Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người, xác định mức lương cụ thể cho từng phòng ban, cơ quan, các Chi nhánh theo nhiệm vụ được giao;
- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;

### **f. Giải pháp về mở rộng thị trường:**

Công tác mở rộng thị trường được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất, hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tập trung tìm kiếm các công trình, dự án đã được bố trí vốn;
- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho bộ phận, cán bộ làm công tác đấu thầu, cán bộ nhân viên kinh doanh;
- Tiếp tục củng cố và giữ vững thị trường, địa bàn chính đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước, Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;
- Về ngắn hạn: đấu thầu và trúng thầu thực hiện thi công các công trình chống ảnh hưởng của đường dây điện lực sang hệ thống TTTT ĐS; Lắp đặt cần chắn tự động đường ngang



CBTĐ; Các dự án An toàn giao thông đường sắt theo QĐ 1856 của Thủ tướng chính phủ GD3; Dự án nâng cao năng lực đường sắt dự kiến 7.000 tỷ giai đoạn năm 2017-2020;

- Về dài hạn, Công ty tiếp tục tham gia đấu thầu, thi công các công trình phục vụ hiện đại hóa TTH đường sắt, các gói thầu phục vụ nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt; Tham gia thầu, thầu phụ các Dự án đầu tư KCHT ĐS, Dự án “Hiện đại hóa thiết bị Thông tin tín hiệu Vinh-Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2. Các dự án về thông tin tín hiệu thuộc đường sắt nội đô TP. Hồ Chí Minh;

- Đột phá tạo sự chuyên nghiệp trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công;

## 5. Các rủi ro

- *Rủi ro kinh tế:* Sự biến động của nền kinh tế vĩ mô như: lạm phát, lãi suất,... ảnh hưởng trực tiếp đến công ty, đặc biệt khi doanh thu của công ty phần lớn phụ thuộc vào hoạt động sản xuất công ích được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước. Nợ công Việt Nam ngày càng có xu hướng tăng cao, tuy vẫn nằm trong giới hạn cho phép của Quốc Hội, nhưng với tình hình nợ công cao sẽ dẫn tới eo hẹp ngân sách và nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đường sắt ít nhiều bị ảnh hưởng.

- *Rủi ro pháp lý:* năm 2016 đánh dấu một bước quan trọng khi công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần và đăng ký tập đại chúng, lưu ký chứng khoán, chuẩn bị giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom. Mô hình mới có nhiều quy định pháp lý mới, đòi hỏi công ty phải cập nhật và đổi mới cho phù hợp.

- *Rủi ro cạnh tranh:* Hiện nay, sau khi có sự tái cấu trúc mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và sự tái cơ cấu của khối danh nghiệp nhà nước nói riêng góp phần đổi mới cho nền kinh tế và đặt công ty trước sự cạnh tranh khốc liệt hơn, đòi hỏi công ty phải có sự thay đổi về năng lực cạnh tranh.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (đã được kiểm toán)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1	Doanh thu	114.533.316.164	101.483.586.977
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	

3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.533.316.164	101.483.586.977
4	Giá vốn hàng bán	93.821.623.528	85.407.065.973
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.711.692.636	16.076.521.004
6	Doanh thu hoạt động tài chính	49.045.706	95.856.710
7	Chi phí tài chính	475.367.596	141.046.064
8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.168.039.275	10.924.791.348
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.117.331.471	5.106.540.302
11	Thu nhập khác		
12	Chi phí khác	318.537.318	
13	Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.798.794.153	5.106.540.302
14	Thuế TNDN	1.223.466.294	1.123.438.866
15	Lợi nhuận sau thuế	4.575.327.859	3.983.101.436

Năm 2016 là đầu tiên thực hiện cổ phần hóa, cơ chế quản lý của công ty cổ phần với các quy định pháp luật có tác động gây ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty trong các thủ tục thực hiện sản xuất kinh doanh, quản lý các nguồn lực trong Công ty và trách nhiệm của Công ty đại chúng đối với nhà đầu tư, với người lao động và xã hội nhưng Công ty đã chủ động tìm kiếm việc làm, thực hiện tốt công tác quản trị trong Công ty do vậy các chỉ tiêu về tình hình SXKD đều tăng trưởng trong đó chỉ tiêu doanh thu tăng 12,8% và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng 14,8% so với năm 2015..

## 2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành Công ty (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Văn Dũng	Giám đốc	
2	Dương Ngọc Thắng	Phó Giám đốc	
3	Uông Nhật Phương	Phó Giám đốc	
4	Đỗ Đức Toan	Kế toán trưởng	

## 2.1 Ông Phạm Văn Dũng

- Ngày sinh: 06/8/1963 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Thanh Hà, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TPHCM
- Số CMND: 024874649 Nơi cấp: TPHCM Ngày cấp: 23/2/2008
- Điện thoại: 0903761641
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tín hiệu Đường sắt, cử nhân kinh tế QTKD
- Chức vụ đang giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + Từ tháng 3/1987 – tháng 10/1987: tập sự, làm Công nhân TTTH Hạt Phú Khánh 2 XN TTTH ĐS Sài Gòn.
  - + Từ tháng 11/1987 – tháng 2/1989: là công nhân tại Hạt TTTH Thuận Hải.
  - + Từ tháng 03/1989 – tháng 2/1990: Giám sát kỹ thuật Hạt TTTH Thuận Hải.
  - + Từ tháng 03/1990 – tháng 12/1990: Hạt Phó Hạt TTTH Thuận Hải.
  - + Từ tháng 01/1991 – tháng 8/1991: Quyền hạt Trưởng Hạt TTTH Thuận Hải.
  - + Từ tháng 09/1991 – tháng 01/1998: Hạt Trưởng Hạt TTTH Thuận Hải.
  - + Từ tháng 02/1998 – tháng 8/2004: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty TTTH ĐS Sài Gòn.
  - + Từ tháng 09/2004 – tháng 6/2011: Phó Giám đốc Công ty TTTH ĐS Sài Gòn.
  - + Từ tháng 07/2011 đến 30/11/2015: là Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên TTTH đường sắt Sài Gòn;
  - + Từ tháng 01/12/2015: được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc công ty TNHH một thành viên TTTH ĐS Sài Gòn, Giám đốc Công ty Cổ phần TTTH Đường Sắt Sài Gòn tháng 01/2016
- Sở hữu chứng khoán:
  - Sở hữu cá nhân: 15.800 Tỷ lệ: 0,51%
  - Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: 1.164.600; Tỷ lệ: 37,88%.
  - Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

## **2.2 Ông Dương Ngọc Thắng**

- Ngày sinh: 07/7/1965 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 575/11/5 CMT8, P.15, Q.10 TPHCM
- Số CMND: 025667545 Nơi cấp: TPHCM Ngày cấp: 01/8/2012
- Điện thoại: 0918.368.937
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ tự động điều khiển, Cử nhân QTKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:
  - + Từ 09/1983 – 10/1986 Tham gia quân đội tại D27, E220 lực lượng phòng không, cấp bậc Trung sỹ.
  - + Từ tháng 11/1986 – tháng 7/1987, xuất ngũ, chuyển thẳng đi học tiếng Nga – dự bị đại học tại TP HCM;
  - + Từ tháng 8/1987 – tháng 7/1993, được Bộ GDĐT cử đi học đại học tại trường Đại học Giao thông Đường sắt Moscow (Liên xô cũ); sau khi hoàn thành khóa học đã tự túc kinh phí theo học và bảo vệ thành công luận án tiến sỹ khoa học kỹ thuật ngành điều khiển tự động từ tháng 3/97 đến tháng 02/2000.
  - + Từ tháng 4/2000 – tháng 8/2000 về nước, cư trú tại TP.HCM;
  - + Từ tháng 6/2000 – tháng 8/2000 Được tuyển dụng, thử việc tại Xí nghiệp TTTH ĐS Sài Gòn (tại Cung TTTH Sài Gòn; văn phòng Trung tâm TTTH Đ Sài Gòn và phòng Kỹ thuật Xí nghiệp);
  - + Từ tháng 9/2000 – tháng 6/2004 cán bộ phòng Kỹ thuật;
  - + Từ tháng 7/2004 – tháng 11/2009 Phó phòng, - phòng Kỹ thuật thiết kế;
  - + Từ tháng 12/2009 – 06/2011, Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn Công ty TTTH ĐS Sài Gòn

Gòn;

+ Từ tháng 7/2011 – 11/2012 là Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn Công ty TNHH một thành viên TTTT đường sắt Sài Gòn.

+ Từ tháng 01/12/2015: được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc công ty TNHH một thành viên TTTT ĐS Sài Gòn;

Sở hữu chứng khoán:

- |  |        |              |
|--|--------|--------------|
| - Sở hữu cá nhân:  | 14.400 | Tỷ lệ: 0,47% |
| - Sở hữu đại diện:   | Không  |              |
| - Sở hữu của người có liên quan:   | Không  |              |
| - Các khoản nợ đối với Công ty:  | không  |              |
| - Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty |        |              |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:   | không  |              |

### **2.3 Ông Ưông Nhật Phương – Phó Giám đốc Công ty**

+ Sinh ngày 30 tháng 10 năm 1974.

+ Quê quán: Xã Hưng Lộc, Tp. Vinh, Nghệ An

+ Nơi ở hiện nay: 31, ĐTH12, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

+ Ngày vào Đảng: 20/04/1998; ngày chính thức: 20/04/1999.

+ Trình độ: Kỹ sư kỹ thuật viễn thông, Kỹ sư kỹ thuật viễn thông

+ Chức vụ, đơn vị công tác hiện tại: phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

- Quá trình công tác:

+ Từ 11/1993 – 10/1994: Hạt thông tin tín hiệu Tháp Chàm, Xí nghiệp TTTT Sài Gòn.

+ Từ 11/1994 – 10/1996: Học nghiệp vụ Thông tin tín hiệu tại Trường Trung học giao thông vận tải Khu vực 3.

+ Từ 11/1996 – 04/2001: Công nhân Thông tin tín hiệu Hạt TTTT Tháp Chàm - Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 05/2001 – 04/2004: Nhân viên Giám sát Kỹ thuật Trung tâm TTTT Tháp Chàm - Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 05/2004-08/2004: Nhân viên phòng Kinh doanh Dự án Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 09/2004-07/2007: Chuyên trách Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Công ty TTTT Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 08/2007-12/2007: Phó phòng Hành chính Tổng hợp Công ty TTTT Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 01/2008- 10/2009: Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp Công ty TTTT Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 11/2009 – 11/2010: Phó phòng Kỹ thuật an toàn Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 12/2010 – 06/2015: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 07/2015-01/2017: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

+ Từ 02/2017 được bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

Sở hữu chứng khoán:

- Sở hữu cá nhân: 9.100 Tỷ lệ: 0,29%
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

## 2.4 Ông Đỗ Đức Toan

- Ngày sinh: 21/12/1961 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Hải Phong, Hải Hậu, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: Số 37, Đường 34A, Phường An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022641034 Nơi cấp: TPHCM Ngày cấp: 10/11/2010
- Điện thoại: 0913 63 44 66
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính; Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:
  - + Từ tháng 4/1982 – 12/1982: Nhân viên thực tập tại Cung TTTH Mương Mán, Hạt Thông tin tín hiệu Sài Gòn Mương Mán, Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5.
  - + Từ tháng 1/1983 – 10/1983: Cung trưởng - Cung TTTH Dĩ An, Hạt Thông tin tín hiệu Sài Gòn Mương Mán, Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5.
  - + Từ tháng 11/1983 – 04/1984: Nhân viên thống kê, Hạt Thông tin tín hiệu Sài Gòn Mương Mán, Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5.
  - + Từ tháng 5/1984 – 6/1995: công tác tại Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn với các chức danh công việc đã làm: Kế toán viên,

kế toán tổng hợp;

+ Từ 7/1995 – 6/2007, Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán.

+ Từ 01 tháng 7/2007 đến nay giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.

Sở hữu chứng khoán:

- Sở hữu cá nhân: 42.700 Tỷ lệ: 1,39%
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

### 3. Tình hình tài chính

#### 4.1 Tình hình tài chính (xem biểu đính kèm)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng, giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	71.053.203.439	514.960.632.860	(*)
Doanh thu thuần	114.533.316.164	101.483.586.977	12,80%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.117.331.471	5.106.540.302	19,80
Lợi nhuận khác	-318.537.318	0	
Lợi nhuận trước thuế	5.798.794.153	5.106.540.302	13,50%
Lợi nhuận sau thuế	4.575.327.859	3.983.101.436	14,80%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	67	0	(*)

(\*): Năm 2015 Công ty chưa bàn giao tài sản cho Tổng Công ty ĐSVN & Công ty CPH từ 19/01/2016

#### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,47	1,16	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSNH – hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,05	0,88	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,50	0,10	(*)
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,01	1,53	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	6,40	6,27	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,05	

(\*) năm 2015 Công ty chưa bàn giao tài sản Nhà nước về TCT ĐSVN

- Khả năng thanh toán: Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2016 tăng so với năm 2015 : 1,47/1,16 và 1,05/0,88 và lớn hơn 1,0 đồng thời có xu hướng tăng, cho thấy mức thanh khoản cao hơn, khả năng thanh toán của công ty đang phát triển theo chiều hướng tích cực;

- Cơ cấu vốn: hệ số nợ/tổng tài sản tăng của năm 2016 là 0,5 thể hiện khả năng tài chính của Công ty an toàn. Năm 2015 là 0,1 do năm 2015 TSCĐ phải bàn giao khi cổ phần hóa thời điểm 31/12/2015 chưa bàn giao làm chỉ số này giảm đi; hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm xuống 1,01 (năm 2016) giảm so với 1,53 (năm 2015) thể hiện khả năng sử dụng các nguồn vốn tín dụng, các nguồn vốn khác để phục vụ SXKD, các chỉ tiêu này > 1 cho thấy an toàn tài chính được bảo đảm.



- Năng lực quản trị sản xuất thể hiện ở vòng quay hàng tồn kho: Với đặc điểm là công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, hàng tồn kho (bao gồm các chi phí của các công trình dở dang chưa hoàn thành) thường chiếm tỷ trọng lớn, và tính thanh khoản của khoản mục này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh và dòng tiền của công ty. Tuy nhiên, vòng quay hàng tồn kho năm 2016 vẫn duy trì ở mức cao xoay quanh hệ số 6 (6,18 năm 2016 và 6,27 năm 2015) thể hiện từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ nhanh, hàng tồn kho ít, ít rủi ro; đảm bảo thanh toán và hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng vốn lưu động;

- Khả năng sinh lời: Khả năng sinh lời rất khả quan khi các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận đều bằng hoặc cao hơn năm trước. Đặc biệt 2 chỉ tiêu quan trọng nhất đối với cổ đông của công ty đại chúng ROA (lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản) và ROE (lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu) có chiều hướng tăng so với năm trước là thước đo hiệu quả của Công ty mà không quan tâm đến cấu trúc tài chính, ROE đo lường khả năng sinh lợi đối với cổ phần, dấu hiệu lợi ích của cổ đông được đảm bảo.

#### **4.3 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

##### **4.3.1 Cơ cấu cổ phần**

<b>Diễn giải</b>	<b>Số lượng</b>
Tổng số cổ phần	3.074.100
Loại cổ phần	Phổ thông
Trong đó :	
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	2.912.900
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	161.200

##### **4.3.2 Cơ cấu cổ đông**

<b>Diễn giải</b>	<b>Yếu tố</b>	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Phân theo tỷ lệ sở hữu	x	3.074.100	100
Cổ đông lớn		2.329.200	75,77
Cổ đông nhỏ		744.900	24.23
Phân theo tổ chức, cá nhân	x	3.074.100	100
Cổ đông tổ chức		2.329.200	75,77
Cổ đông cá nhân		744.900	24.23

Phân theo yếu tố nước ngoài	x	3.074.100	100
Cổ đông trong nước		3.074.100	100
Cổ đông nước ngoài		0	0
Phân theo yếu tố nhà nước	x	3.074.100	100
Cổ đông nhà nước		2.329.200	75,77
Cổ đông khác		744.900	24.23

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện so với	
				Cùng kỳ 2015	Kỳ báo cáo 2016	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch
I	Sản lượng chủ yếu	Tr.đ	117.700	111.632	125.986	12,8	7,0
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	107.000	101.483	114.533	12,8	7,0
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	107.000	101.483	114.533	12,8	7,0
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	90	95	49	(51,58)	54
3	Thu nhập khác	Tr.đ	0	0	0		
III	Tổng chi phí	Tr.đ	101.830	96.472	108.784	12,5	7,0
1	Giá vốn	Tr.đ	91.318	85.407	93.821	9,9	2,7
2	Chi phí kinh doanh	Tr.đ	10.378	10.924	14.168	29	36,5
3	Chi phí tài chính/CP khác	Tr.đ	134	141	795	63	593
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.260	5.106	5.798	13,5	10
V	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.208	3.983	4.575	14,8	8,2
VI	Thu nhập BQ	tr/ng/tháng	9,8	8,8	9,9	12,5	100

Năm 2016 là năm đầu tiên Công ty chuyển từ Công ty TNHH MTV sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, ban đầu gặp một số khó khăn trong tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, trách nhiệm của Công ty đại chúng nên Công ty đã khai thác mọi nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thêm việc làm để tăng thu nhập cho người

lao động, lợi nhuận sau thuế tăng 14,8% so với năm 2015, đảm bảo quyền lợi các cổ đông; các chỉ tiêu doanh thu, thu nhập của người lao động tăng 12,8 và 12,5%

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối		Tăng (giảm) (%)	Tỷ trọng (%)		
	Số cuối năm	Số đầu năm 19/01/2016		Cuối năm	Đầu năm	Tăng /giảm
Tài sản ngắn hạn	52.544.794.248	50.495.686.337	4,0	73	69	4
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.657.820.180	16.959.028.369	-63	6	22	-16
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.728.298.898	19.608.140.366	60	45	26	19
Hàng tồn kho	15.158.675.170	13.876.170.139	9,0	21	18	3
TSNH khác		52.347.463	-			
Tài sản dài hạn	18.508.409.191	22.299.758.417	-14	25	72	-47
Tài sản cố định	13.098.472.990	14.037.506.829	7	18	19	-1
Tài sản dài hạn khác	5.142.245.565	7.994.560.952	-36	7	11	-4
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>71.053.203.439</b>	<b>72.795.444.754</b>	<b>-3,0</b>			

- Tổng doanh thu năm 2016 đạt 114.533.000.000 đồng, như vậy trong năm cứ mỗi đồng tài sản tạo ra 1,6 đồng doanh thu thể hiện khả năng sử dụng các tài sản hiện có của Công ty vào hoạt động SXKD có hiệu quả, không lãng phí.

- Giá trị hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là khối lượng các công trình, dự án đang thi công dở dang.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối			Tăng (giảm) (%)
	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng (giảm)	
Nợ ngắn hạn	35.736.875.580	42.055.438.811	-6.318.563.231	-15
Nợ dài hạn	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>35.736.875.580</b>	<b>42.055.438.811</b>	<b>-6.318.563.231</b>	<b>-15</b>

- Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn;

- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng so với đầu năm do đặc điểm của đơn vị sản xuất trong lĩnh vực xây dựng, dịch vụ công ích đường sắt được Ngân sách Nhà nước thanh toán hàng năm thường kéo dài thời gian thanh toán đến 30 tháng 1 năm sau, do vậy khoản nợ ngắn hạn của Công ty phụ thuộc vào thời hạn giải ngân trả nợ khối lượng của hoạt động công ích (hoạt động sản xuất chính). Nợ phải trả ngắn hạn cuối năm của công ty chủ yếu nợ CBCNV tiền lương, thưởng cuối năm 2016, các khoản chi trả BHXH và NSNN Công ty thanh toán vào tháng 01/2017.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

Khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, công ty đã có sự thay đổi về cơ bản trên tất cả các mặt theo xu hướng tinh giảm bộ máy tổ chức, hiện đại hóa công tác quản lý bằng những biện pháp hợp lý:

- Xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý phù hợp với Công ty cổ phần. Xây dựng hệ thống thang bảng lương mới, phù hợp với mô hình mới, góp phần thúc đẩy năng suất lao động.
- Bộ máy tổ chức được tinh giảm do quy mô giảm từ 6 chi nhánh còn 3 chi nhánh, các phòng ban công ty được tách biệt, phân lại theo xu hướng chuyên môn hóa chức năng nhiệm vụ.
- Thực hiện chính sách tinh giảm lao động sau cổ phần hóa, cổ động người lao động không đáp ứng được mô hình mới chấm dứt hợp đồng sau khi tiến hành các chính sách đối với lao động dôi dư. Bên cạnh đó, công tác tuyển dụng mới với tiêu chí mới cũng được đề cao.
- Tiết kiệm, tinh giảm các chi phí nằm trong chi phí chung.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Năm 2016 là một bước ngoặt lớn trong lịch sử hình thành và phát triển của công ty, khi lần đầu tiên hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, đặt ra nhiều lợi thế và cũng nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh của công ty.

- Lợi thế: khi công ty trở thành công ty cổ phần, công ty có điều kiện hơn trong công tác huy động vốn từ thị trường chứng khoán. Mặt khác, khi trở thành công ty cổ phần nhà nước sở hữu cổ phần chi phối, công ty có được sự tự chủ hơn về tài chính để có thể thực hiện các phương án kinh doanh của mình.

- Thách thức: mô hình mới chịu quy phạm của nhiều văn bản pháp luật, các quy định mới, các tiêu chuẩn mới của thị trường, đặc biệt là thị trường chứng khoán. Mặt khác, áp lực cạnh tranh từ các đơn vị trong và ngoài ngành trong bối cảnh nền kinh tế đang tái cấu trúc mạnh mẽ cũng là một thách thức không nhỏ với công ty.

- Đứng trước những thách thức của giai đoạn mới và tình hình kinh doanh của năm 2016 đã qua, các công việc trọng tâm trong năm 2017 như sau:

+ Về tổ chức: Duy trì bộ máy tổ chức theo mô hình hiện tại, tinh gọn, đa năng với mục tiêu đặt hiệu quả công việc lên hàng đầu.

+ Về chi phí: Xây dựng lại hệ thống chi phí, kế hoạch hóa và kiểm soát chặt chẽ tất cả các chi phí vận hành, cắt giảm chi phí không cần thiết góp phần nâng cao lợi nhuận;

+ Về doanh thu: Tập trung đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề sản xuất chính vẫn là công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng ĐS quốc gia, ngoài ra Công ty tập trung vào 2 mảng tiềm năng là công trình dự án và kinh doanh dịch vụ, phấn đấu tăng trưởng tỷ trọng doanh thu từ 2 mảng này chiếm trên 20% doanh thu. Đa dạng hóa marketing, nâng cao năng lực đấu thầu công trình dự án.

+ Về con người: thực hiện chính sách tuyển dụng mở, tuyển dụng dựa trên tiêu chí chất lượng lao động, thành thạo công việc, có kinh nghiệm và tay nghề cao.

+ Về công nghệ: áp dụng công nghệ vào việc quản lý, thay thế dần các công đoạn thủ công hiện tại tối đa việc sử dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong quản lý ở tất cả các khâu kỹ thuật, nhân sự, hành chính, tài chính kế toán, văn phòng Chi nhánh và các tổ sản xuất. Nâng cao chất lượng mạng Land nội bộ Công ty từ Công ty tới các tổ sản xuất nhằm đưa thông tin chỉ đạo thực hiện SXKD kịp thời, giảm chi phí đi lại, hội họp, tiết kiệm chi phí chung làm gia tăng lợi nhuận;

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty, các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

##### **1. Quản lý nguyên vật liệu**

1.1 Tổng chi phí nguyên vật liệu trong năm của Công ty là 42,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 43% trong tổng số chi phí hoạt động SXKD của Công ty. Các loại nguyên vật liệu chính gồm cáp quang, cáp đồng các loại; các loại linh kiện, mảng linh kiện phụ tùng sử dụng trong các thiết bị thông tin viễn thông. Các cơ cấu tín hiệu, linh kiện, phụ tùng lắp đặt và thay thế cho các thiết bị điều khiển tự động trong hệ thống tín hiệu điều khiển chạy tàu trong ngoài ga và các hệ tín hiệu đường ngang. Các loại vật tư sử dụng trong Công ty khả năng tác động đến môi trường rất hạn chế. Các vật liệu sau khi thay thế có thể thu hồi được giá trị thu hồi hoàn trả Ngân sách Nhà nước (trong năm giá trị thu hồi 17,2 triệu đồng); vật liệu tái chế sử dụng lại 16,5 triệu đồng;

1.2 Sử dụng Nhiên liệu: Nhiên liệu được sử dụng để chạy máy phát điện dự phòng cung cấp cho các thiết bị thông tin tín hiệu nhưng chiếm tỷ trọng rất ít do nguồn điện quốc gia được cung ứng rất ổn định, một lượng nhiên liệu được sử dụng cho phương tiện vận tải để phục vụ cho công tác tuần tra, đo thử, kiểm tra và giải quyết trở ngại thông tin tín hiệu;

1.3 Điện năng tiêu thụ trong năm ~ 1,575 triệu kw, các thiết bị của Công ty đều được thiết kế với đảm bảo an toàn cao nhất cho người sử dụng, an toàn cho thiết bị và tiết kiệm năng lượng nhất;

1.4 Sử dụng nước: Nước phục vụ trực tiếp cho SXKD chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không đáng kể chủ yếu phục vụ sản xuất;

## 2. Giải pháp tiết kiệm năng lượng của Công ty:

2.1 Thay thế bóng đèn sợi đốt bằng bord mạch đèn led có độ phát sáng cao và tiêu hao ít điện năng, thời gian sử dụng lâu;

2.2 Sử dụng các thiết bị công nghệ mới tiêu hao ít năng lượng;

2.3 Sử dụng các thiết bị giám sát thiết bị từ xa, thiết bị điều khiển tập trung giảm chi phí, phương tiện đi lại;

2.4 Chấp hành các quy định của Nhà nước về tiết kiệm năng lượng theo tiêu chuẩn khí thải đối với thiết bị; tham gia giờ trái đất hàng năm;

## 3. Tình hình tuân thủ các quy định của Nhà nước về môi trường:

3.1 Số lần vi phạm bị xử phạt hành chính về môi trường: không

4. Quan hệ cộng đồng, chính sách xã hội: Xây dựng quan hệ với các địa phương nơi có đường sắt đi qua, định kỳ phối hợp tổ chức tuyên truyền và vận động nhân dân cùng tham gia bảo vệ tài sản, an toàn giao thông đường sắt. Cam kết bảo vệ hành lang ATGT đường sắt. Thực hiện chính sách xã hội, đóng góp xây dựng cầu nông thôn và hỗ trợ vùng lũ lụt trong năm với kinh phí 37 triệu đồng.

## 5. Tình hình người lao động (chính sách, thay đổi chính sách với người lao động)

Tổng số lao động Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn tại thời điểm 31/12/2016 là: 346 người.

- Tại Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm quyết định đến sự tồn tại và phát triển của công ty. Công tác đào tạo phát triển đội ngũ từng bước được hoàn thiện thông qua các chính sách như: tiền lương, tiền thưởng, đãi ngộ, tuyển dụng và đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống thang bảng lương mới, sắp xếp hệ số lương cho 100% người lao động theo đúng chức danh, công việc đang đảm nhận bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho người lao động yên tâm công tác.
- Trong năm 125 lượt công nhân được ôn luyện để nâng cao tay nghề; 08 lao động gián tiếp được cử đi học các lớp trung cấp lý luận chính trị tại các trung tâm bồi dưỡng chính trị tại Tp. HCM và các tỉnh. Trợ cấp khó khăn đột xuất cho 121 lượt NLD số tiền 59 triệu đồng; chi hỗ trợ con em NLD trong Công ty 226 tr.đồng; trợ cấp cho NLD trước khi nghỉ hưu 1,29 tỷ đồng. Tất cả NLD trong Công ty được khám sức khỏe để kiểm tra, phát hiện bệnh nghề nghiệp, bệnh hiểm nghèo để chữa trị kịp thời.

**Đối với hoạt động kinh doanh:**

*Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

<b>Chỉ tiêu/ Benchmarks</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,47	1,16	Lớn hơn 1: Tốt
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSNH – hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,05	0,88	Tốt
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,50	0,10	(*)
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,01	1,53	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	6,40	6,27	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,12	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,05	

(\*) năm 2015 Công ty chưa bàn giao tài sản Nhà nước về TCT ĐSVN

- Khả năng thanh toán: Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh đều lớn hơn 1 cho thấy các khoản vốn bằng tiền, hàng tồn kho, các khoản phải thu ở mức độ cân đối và hợp lý, khả năng thanh toán gặp nhiều thuận lợi, khó xảy ra rủi ro..

- Cơ cấu vốn: hệ số nợ/tổng tài sản năm 2016 là 0,5 thể hiện khả năng tài chính của Công ty an toàn, nợ của Công ty được đảm bảo bằng tài sản hiện có và khả năng trả nợ bình thường. Năm 2015 là 0,1 do năm 2015 TSCĐ không thuộc Công ty phải bàn giao khi cổ phần hóa thời điểm 31/12/2015 chưa bàn giao không phản ánh đúng khách quan và làm chỉ số này nhỏ.

- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu năm 2016 là 1,01 đối với doanh nghiệp sản xuất cho thấy toàn bộ các khoản nợ được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu, chỉ số này còn phản ánh đơn vị đã sử dụng các nguồn lực tài chính trong đó có cả vốn vay để đầu tư SXKD. Hệ số này ~ 1 cho thấy tình hình công nợ của đơn vị là bình thường;

- Năng lực quản trị sản xuất thể hiện ở vòng quay hàng tồn kho: Với đặc điểm là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, hàng tồn kho (chủ yếu là các công trình dở dang chưa hoàn thành) thường chiếm tỷ trọng lớn và tính thanh khoản của khoản mục này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh và dòng tiền của công ty. Tuy nhiên, vòng quay hàng tồn kho năm 2016 vẫn duy trì ở mức cao xoay quanh hệ số 6 (6,18 năm 2016 và 6,27 năm 2015) thể hiện tính hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng vốn lưu động;

- Khả năng sinh lời: Khả năng sinh lời rất tích cực khi các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận đều bằng hoặc cao hơn năm trước: tỷ suất LN sau thuế trên DT, Vốn CSH và Tổng TS lần lượt là 4%, 13% và 6%/. Đặc biệt 2 chỉ tiêu quan trọng nhất đối với cổ đông của công ty trên thị trường chứng khoán là ROA (lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản) và ROE (lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu) có chiều hướng tăng so với năm trước đảm bảo lợi ích của cổ đông và thể hiện trách nhiệm của Công ty với nhà đầu tư;

## **1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016:**

### **1.1. Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và chỉ tiêu:**

- Doanh thu 114,58 tỷ, tăng 12,8% so với năm 2015 (101,5 tỷ), tăng 7% so với kế hoạch



(107 tỷ)

- Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu đạt 20%.
- Lợi nhuận chung 5,79 tỷ, tăng 14 % so với năm 2015 (5,1 tỷ), tăng 10% so với kế hoạch (5,26 tỷ)
- Cổ tức 10%, tăng 16,8% so với kế hoạch (8,56%)
- Thu nhập bình quân đạt 9,9 triệu đồng/người/tháng, tăng 12,5% so với năm 2015 (8,8 triệu đồng/người/tháng).
- Mức lương bình quân người quản lý Công ty chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước: 33.550.000 đồng/người/tháng; người quản lý Công ty chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước: 26.000.000 đồng/người/tháng; người quản lý Công ty không chuyên trách: 1.600.000 đồng/người/tháng.

### 1.1.1 Kế hoạch QL BDTX KCHT đường sắt :

a) **Khối lượng:** Hoàn thành 100% kế hoạch sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt.

Số TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Đường truyền tải	Km/tr	1.124,907	
2	Trạm tổng đài	Trạm	121,997	
3	Tín hiệu ra vào ga	Hệ	1.441,734	
4	Thiết bị khống chế	Bộ	372,626	
5	Thiết bị điều khiển	Đài	1.667,770	
6	Cáp tín hiệu	Km/sợi	1.106,713	
7	Thiết bị nguồn	Cung	49,830	

#### b) **Doanh thu:**

- Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch : 100%
- QL, BDTX KCHT đường sắt : 77,9 tỷ đồng
- Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch : 100%
- Tỷ lệ thực hiện so với năm 2015 : tăng 20,64%
- Thực hiện các yếu tố chi (chi tiết xem mục 2 Phụ lục)

- *Sửa chữa định kỳ < 500 triệu*: Thực hiện công trình Sửa chữa đường ngang CBTĐ, lắp đặt bổ sung cần chắn tự động cho 40 đường ngang với doanh thu: 14,6 tỷ đồng

**1.1.2 Công trình kinh doanh và dịch vụ:** Doanh thu 21,45 tỷ đồng

a) Công trình: thực hiện 15 công trình và hạng mục với doanh thu: 18,2 tỷ đồng

b) Dịch vụ: doanh thu 3,25 tỷ đồng.

**1.2. Công tác kỹ thuật – an toàn:**

**1.2.1 Thực hiện hoàn thành & vượt các chỉ tiêu Kỹ thuật chất lượng:**

- Chất lượng duy tu thiết bị đạt: 99,43%, giảm 0,3% so với năm 2015 (chỉ tiêu  $\geq 98,5\%$ ).  
- Hiệu suất thiết bị thông tin tín hiệu đạt: 99,68%, giảm 0,12% so với năm 2015 (chỉ tiêu  $\geq 99\%$ ), trong đó: HSKTTT đạt: 99,88%, tăng 0,13% so với năm 2015 (chỉ tiêu  $\geq 99\%$ ); HSKTTH đạt: 99,50%, giảm 0,36% so với năm 2015 (chỉ tiêu  $\geq 99\%$ ); hiệu suất quản lý đạt: 98,96 % giảm 0,78% so với năm 2015. Cụ thể:

- Đường dây và thiết bị thông tin:

+ Phân cơ điều độ: 0 vụ, bằng so với năm 2015

+ Điện thoại hành chính: 0 vụ, giảm 04 vụ 2.400 phút so với năm 2015.

- Thiết bị tín hiệu:

+ Chậm tàu: 01 vụ 30 phút, tăng 21 phút so với năm 2015 (chỉ tiêu  $\leq 3$  vụ,  $\leq 30$  phút)

+ Phiếu đường: 02 vụ 11 phiếu đường, tăng 8 phiếu so với năm 2015

+ Đường ngang CBTĐ: 0 vụ, bằng so với năm 2015

- Độ ổn định ĐN CBTĐ: 100%, bằng so với năm 2015 (chỉ tiêu  $\geq 99,95\%$ ).

- Hư hỏng thiết bị, phụ kiện TTTH: 41 vụ, bằng so với năm 2015 (chỉ tiêu giảm 5%).

**1.3 Công tác tổ chức bộ máy quản lý:** Bộ máy công ty đã được tinh gọn hơn theo xu hướng giảm biên chế, giảm cơ cấu bộ máy từ 6 Chi nhánh trực thuộc xuống còn 3 Chi nhánh, các phòng ban cũng được cơ cấu lại, thành lập một phòng chuyên trách mảng kinh doanh dịch vụ, dự án công trình, sắp xếp lại hoạt động SXKD dịch vụ tại 2 khu vực Nha Trang, Sài Gòn theo hướng giảm tối đa việc phát sinh chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận;

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Trong năm 2016, ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực đáng kể trong việc ổn định hoạt động của công ty trong bối cảnh hoạt động của công ty khó khăn trong mô hình mới và những điều kiện khách quan từ trách nhiệm của chủ đầu tư các dự án chiếm tỷ trọng chủ yếu của Công ty.

Ban giám đốc đã có những công tác cụ thể nhằm triển khai có hiệu quả những phương hướng, nhiệm vụ mà HĐQT đã đặt ra với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Về vận hành, tác nghiệp, nhìn chung được thực hiện theo quy chế phối hợp, quan hệ làm việc giữa HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, phân chia trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, tuân thủ quy trình vận hành và đảm bảo phục vụ với chất lượng tốt nhất.

Năm 2016, ban giám đốc đã bám sát các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, kế hoạch SXKD và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hoạt động kinh doanh trong bối cảnh mới gặp nhiều thách thức khó khăn nhưng các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế, thu nhập của người lao động được thực hiện tăng hơn năm trước, cổ tức của cổ đông thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chấp hành pháp luật và nghĩa vụ với Nhà nước thực hiện đầy đủ tạo nền tảng cho công cuộc tái cấu trúc ngành đường sắt nói chung và hoạt động kinh doanh sắp tới của công ty nói riêng.

### **3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Trên cơ sở những thành quả đạt được trong năm 2016 cũng như các vấn đề còn tồn tại, với nhận định nền kinh tế còn nhiều biến động và khó khăn, mặc dù công ty đã vượt qua được những khó khăn trước mắt nhưng để tồn tại và phát triển ổn định, HĐQT xác định phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau:

Quản lý, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài Ngành.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác.
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội hợp tác để phát triển SXKD; chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm; kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được, cùng với Ban Giám đốc Công ty phấn đấu xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

## **V. Báo cáo tài chính**

## 1. Ý kiến của kiểm toán

“ Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Kiểm toán viên Bùi Ngọc Hà

Số CN ĐKHN kiểm toán : 0662-2013-152-1

## 2. Số liệu báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán (đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Phạm Văn Dũng